TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHỢ LÁCH** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 122/2020/QĐST- DS	*Chợ Lách, ngày 14 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 96/2020/TLST - DS ngày 13 tháng 7 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1/ Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Thu T - Sinh năm: 1978; địa chỉ: 622/67 ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.2/ Bị đơn:

- Bà Phạm Thị Ngọc B - Sinh năm: 1962.

- Ông Trương Văn L - Sinh năm: 1953.

Cùng địa chỉ: 548/63 ấp D, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1/ Bà Phạm Thị Ngọc B và ông Trương Văn L có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho bà Phạm Thị Thu T tổng số vàng là 6,5 (sáu chỉ năm phân) vàng 24Kra (vàng 9999) và số tiền là 42.100.000đ (bốn mươi hai triệu một trăm ngàn đồng).

2.2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị Thu T nhận chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 969.000đ (chín trăm sáu mươi chín ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.849.000đ (một triệu tám trăm bốn mươi chín ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001612 ngày 09 tháng 7 năm 2020

của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre; bà T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 880.000đ (tám trăm tám mươi ngàn đồng).

- Bà Phạm Thị Ngọc B nhận chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 484.500đ (bốn trăm tám mươi bốn ngàn năm trăm đồng).

- Ông Trương Văn L thuộc trường hợp được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2.3/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày bà Phạm Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Phạm Thị Ngọc B và ông Trương Văn L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngày sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bà Phạm Thị Thu T (01 bản);
- Bà Phạm Thị Ngọc B (01 bản);
- Ông Trương Văn L (01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách (01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C (01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre (01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án(01 bản), Vp(01 bản), Bp(01 bản).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Tuyền